

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

NGUYỄN XUÂN THẮNG
NGUYỄN MẠNH HÙNG

(Đồng chủ biên)

**MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT
CỦA THẾ GIỚI VÀ KHU VỰC
NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ 21**

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2011

Đồng chủ biên:

1. GS.TS. NGUYỄN XUÂN THẮNG
2. TS. NGUYỄN MẠNH HÙNG

Với sự tham gia và đóng góp nghiên cứu của:

1. PGS.TS. LÊ BỘ LĨNH
2. GS.TS. ĐỖ TIẾN SÂM
3. TS. CÙ CHÍ LỢI
4. TS. NGUYỄN AN HÀ
5. TS. BÙI NHẬT QUANG
6. TS. BÙI TRƯỜNG GIANG
7. TS. ĐẶNG XUÂN THANH
8. TS. NGUYỄN HUY HOÀNG

MỤC LỤC

	Trang
DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH VÀ HỘP	9
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	11
LỜI MỞ ĐẦU	15

Chương 1

TOÀN CẦU HÓA VÀ NHỮNG ĐỘNG THÁI MỚI	19
1.1. Xu thế toàn cầu hóa những năm cuối thế kỷ 20	19
1.2. Khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008 và tác động tới toàn cầu hóa	24
1.3. Các xu thế liên kết khu vực trong bối cảnh mới	32
1.4. Xu thế tăng cường quản trị toàn cầu	35

Chương 2

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ TRI THỨC, KINH TẾ DỊCH VỤ VÀ MẠNG SẢN XUẤT TOÀN CẦU	43
2.1. Xu thế phát triển của kinh tế tri thức	43
2.2. Kinh tế tri thức và xu hướng dịch vụ hóa nền kinh tế thế giới	52
2.3. Xu thế tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu trong nền kinh tế tri thức và dịch vụ	63

Chương 3

TƯƠNG QUAN SỨC MẠNH GIỮA CÁC CƯỜNG QUỐC TRÊN THẾ GIỚI

- | | |
|---|----|
| 3.1. Trật tự thế giới đa cực đang hình thành: Mỹ tiếp tục giữ vai trò chính song không còn ở vị trí độc tôn | 70 |
| 3.2. Nhật Bản vẫn gặp nhiều khó khăn để thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh và tăng cường vị thế chính trị | 76 |
| 3.3. EU mở rộng và đổi mới, nỗ lực duy trì sự phát triển bền vững để tiếp tục là một trụ cột của nền kinh tế thế giới | 80 |
| 3.4. Trung Quốc và Ấn Độ đang nổi lên là những cường quốc về kinh tế và khoa học công nghệ | 85 |
| 3.5. Các nước lớn duy trì quan hệ cân bằng - đối trọng, các nước nhỏ phản ứng linh hoạt, mềm dẻo | 88 |

Chương 4

SỰ NỔI LÊN CỦA CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

- | | |
|---|-----|
| 4.1. Vai trò của các nước đang phát triển trong hệ thống kinh tế toàn cầu | 101 |
| 4.2. Tăng trưởng của các nền kinh tế đang phát triển là động lực chính của tăng trưởng kinh tế toàn cầu | 115 |
| 4.3. Sức mạnh kinh tế gia tăng của khối BRIC | 119 |

Chương 5

HÒA BÌNH, HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN

- | | |
|--|-----|
| 5.1. Các quốc gia cần môi trường hòa bình, ổn định cho các chính sách phát triển dài hạn | 124 |
| 5.2. Quyền lực "mềm" sẽ có ảnh hưởng lớn hơn trong quan hệ quốc tế | 127 |

5.3. Xung đột giữa các quốc gia láng giềng, song nội trị của nhiều quốc gia còn phức tạp	131
5.4. Các hoạt động ly khai, xung đột sắc tộc, tôn giáo tiếp tục tồn tại song nhỏ lẻ và chưa đủ mạnh để tạo ra các cuộc chiến tranh lớn	138

Chương 6

NHỮNG NGUY CƠ PHI TRUYỀN THỐNG NỘI BẬT 143

6.1. Hiện tượng biến đổi khí hậu toàn cầu	143
6.2. Nguy cơ mất an ninh lương thực	148
6.3. Nguy cơ mất an ninh năng lượng	152
6.4. Nguy cơ mất an ninh nguồn nước	148

Chương 7

CÁC XU THẾ PHÁT TRIỂN Ở ĐÔNG Á 163

7.1. Đông Á trở thành một cực tăng trưởng mạnh của nền kinh tế toàn cầu	163
7.2. Chủ nghĩa đa phương, song phương và khu vực bùng nổ, đan xen	167
7.3. Cấu trúc quyền lực ở Đông Á đang thay đổi nhanh	171
7.4. Các điểm nóng trong khu vực được kiềm chế, hòa bình và ổn định được duy trì nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều bất ổn	177

Chương 8

TRUNG QUỐC TĂNG CƯỜNG MỞ RỘNG ẢNH HƯỞNG XUỐNG PHÍA NAM 183

8.1. Quan hệ giữa Trung Quốc và ASEAN trong những năm đầu thế kỷ 21	183
---	-----

8.2. Xây dựng "Cực tăng trưởng Trung Quốc - ASEAN" trong chiến lược phát triển hướng xuống phía Nam	188
8.3. Nhận diện những động thái của Trung Quốc	195
8.4. Tình hình Biển Đông vẫn còn diễn biến phức tạp, tạo ra thách thức đối với an ninh, ổn định và phát triển của các nước trong khu vực	206
KẾT LUẬN	214
TÀI LIỆU THAM KHẢO	216

DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH VÀ HỘP

	<i>Trang</i>
BẢNG	
Bảng 1.4.1: So sánh quản trị toàn cầu với quản trị thế giới bằng quyền lực nhà nước	37
Bảng 3.1.1: Dự báo GDP năm 2020 các nền kinh tế lớn nhất thế giới	74
Bảng 4.1.1: Thống kê các nước đang phát triển	103
Bảng 4.1.2: Kim ngạch thương mại hàng hoá của khu vực Nam Á	109
Bảng 4.1.3: Tốc độ tăng trưởng của các khu vực tại Châu Phi	110
Bảng 4.2.1: Các trường hợp tăng trưởng bền vững điển hình	118
Bảng 4.3.1: Vị thế của nhóm BRIC (xếp hạng toàn cầu)	120
Bảng 5.3.1: Phân loại các cuộc xung đột theo Conflict Barometer	132
Bảng 7.1.1: Tăng trưởng GDP bình quân của các nền kinh tế Đông Á giai đoạn 2003-2007	164
Bảng 7.1.2: Tỷ trọng xuất khẩu của một số khu vực của thế giới	165
Bảng 7.1.3: Tỷ trọng nhập khẩu của một số khu vực của thế giới	166
Bảng 7.3.1: Thương mại ASEAN - Trung Quốc, ASEAN - Mỹ, 1998 - 2008	172

8.2. Xây dựng "Cực tăng trưởng Trung Quốc - ASEAN" trong chiến lược phát triển hướng xuống phía Nam	188
8.3. Nhận diện những động thái của Trung Quốc	195
8.4. Tình hình Biển Đông vẫn còn diễn biến phức tạp, tạo ra thách thức đối với an ninh, ổn định và phát triển của các nước trong khu vực	206
KẾT LUẬN	214
TÀI LIỆU THAM KHẢO	216

DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH VÀ HỘP

	<i>Trang</i>
BẢNG	
Bảng 1.4.1: So sánh quản trị toàn cầu với quản trị thế giới bằng quyền lực nhà nước	37
Bảng 3.1.1: Dự báo GDP năm 2020 các nền kinh tế lớn nhất thế giới	74
Bảng 4.1.1: Thống kê các nước đang phát triển	103
Bảng 4.1.2: Kim ngạch thương mại hàng hoá của khu vực Nam Á	109
Bảng 4.1.3: Tốc độ tăng trưởng của các khu vực tại Châu Phi	110
Bảng 4.2.1: Các trường hợp tăng trưởng bền vững điển hình	118
Bảng 4.3.1: Vị thế của nhóm BRIC (xếp hạng toàn cầu)	120
Bảng 5.3.1: Phân loại các cuộc xung đột theo Conflict Barometer	132
Bảng 7.1.1: Tăng trưởng GDP bình quân của các nền kinh tế Đông Á giai đoạn 2003-2007	164
Bảng 7.1.2: Tỷ trọng xuất khẩu của một số khu vực của thế giới	165
Bảng 7.1.3: Tỷ trọng nhập khẩu của một số khu vực của thế giới	166
Bảng 7.3.1: Thương mại ASEAN - Trung Quốc, ASEAN - Mỹ, 1998 - 2008	172

Bảng 7.3.2: Tỷ lệ thương mại trong tổng GDP của ASEAN, 1998 - 2008	173
---	------------

HÌNH

Hình 4.1.1: Tăng trưởng kinh tế hàng năm của các nước đang phát triển khu vực Châu Á - Thái Bình Dương	104
Hình 5.3.1: Số lượng các cuộc xung đột trên thế giới giai đoạn 1945 - 2010	131
Hình 5.3.2: Số lượng các cuộc xung đột trong nước và giữa các nước ở mức độ cao trên thế giới giai đoạn 1945 - 2008	133
Hình 5.3.3: Các nhóm xung đột và mức độ xung đột	134

HỘP

Hộp 2.1.1: Mười đặc trưng của nền kinh tế tri thức	47
Hộp 8.4.1: Chiến lược biển của Trung Quốc	209

